

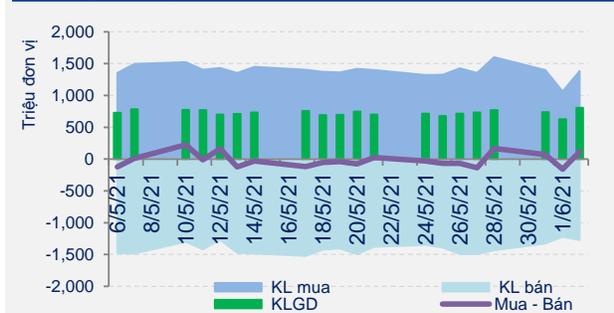
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 2/6/2021

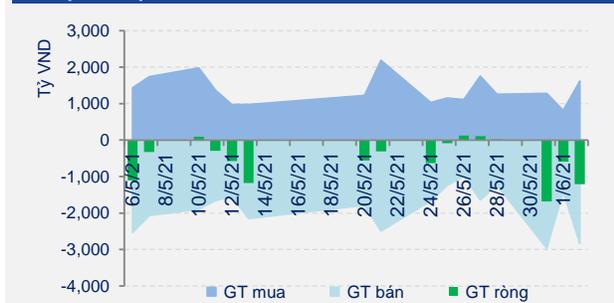
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,340.78	322.05
% Thay đổi	↑ 0.22%	↑ 1.12%
KLGD (CP)	805,241,535	182,389,656
GTGD (tỷ đồng)	26,142.97	4,416.66
Tổng cung (CP)	1,272,714,400	259,520,400
Tổng cầu (CP)	1,387,863,200	250,847,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	51,433,605	2,714,820
KL mua (CP)	32,729,405	1,109,300
GTmua (tỷ đồng)	1,613.65	31.24
GT bán (tỷ đồng)	2,826.14	85.15
GT ròng (tỷ đồng)	(1,212.49)	(53.91)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.53%	21.5	3.6	2.1%
Công nghiệp	↔ 0.00%	17.4	2.4	7.0%
Dầu khí	↑ 1.34%	25.9	1.9	4.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.83%	-	8.8	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.17%	16.4	2.4	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.10%	19.4	4.0	6.1%
Ngân hàng	↑ 0.60%	14.7	2.7	34.8%
Nguyên vật liệu	↓ -1.53%	15.7	2.9	15.4%
Tài chính	↑ 0.08%	19.2	3.3	26.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 3.00%	14.6	2.3	1.7%
VN - Index	↑ 0.22%	18.2	3.2	
HNX - Index	↑ 1.12%	17.2	3.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ tư liên tiếp với thanh khoản đạt mức cao kỷ lục mới. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 3 điểm (+0,22%) lên 1.340,78 điểm; HNX-Index tăng 3,58 điểm (+1,12%) lên 322,05 điểm. Khối lượng khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với 932 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh đạt 28.449 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 387 mã tăng, 129 mã giảm, 276 mã giữ giá. Thị trường giảm co mạnh giữa sắc xanh và sắc đỏ trong phiên hôm nay và kết phiên trong sắc xanh nhẹ. VCB (+2,2%) là mã đóng góp tích cực nhất vào mức tăng của VN-Index với 2,303 điểm. Tiếp theo sau là các mã GAS (+4,4%), ACB (+5,9%), NVL (+2,7%), HVN (+6,8%), VPB (+1,3%)... Ngược lại, VIC (-2,1%) là mã đóng góp tiêu cực nhất cho chỉ số, HPG (-2,7%) và BID (-1,2%) là những mã tiếp theo. Rổ VN30 khá cân bằng với 13 mã tăng, 15 mã giảm và 2 mã đứng giá. Dẫn đầu đà tăng là SSI (+5.3%) khi bứt phá trên 5%, GAS (+4,4%) đứng ở vị trí thứ 2 khi tăng trên 4%, NVL (+2,7%) và VCB (+2,2%) cùng tăng hơn 2%; MWG (+1,7%), PDR (+1,7%), TCH (+1,6%), SBT (+1,5%) và VPB (+1,3%) là những mã tăng trên 1%. Ở chiều ngược lại, HPG (-2,7%), VIC (-2,1%) và VRE (-2%) cùng giảm trên 2%; REE (-1,8%), FPT (-1,8%), POW (-1,7%), TPB (-1,6%), BID (-1,2%), MSN (-1,2%) và CTG (-1,1%) cùng giảm trên 1%.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index tăng điểm trong phiên thứ tư liên tiếp với mức tăng đang bị thu hẹp dần qua các phiên. Và thanh khoản phiên hôm nay lập kỷ lục mới với gần 28.500 tỷ đồng khớp lệnh trên cả hai sàn cho thấy dòng tiền vẫn đang đổ mạnh vào thị trường và áp lực chốt lời là thực sự mạnh. Trên góc độ sóng Elliott, sóng tăng 5 trong kịch bản bản tích cực đã đạt tới target quanh ngưỡng 1.325 điểm, thậm chí trong 2 phiên gần đây, VN-Index đã có lúc vượt lên quanh ngưỡng 1.345 điểm rồi xuất hiện áp lực bán mạnh. Theo đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 3/6, thị trường có thể sẽ tiếp tục giảm co và rung lắc trong vùng giá hiện tại khi áp lực bán dần gia tăng. Nhà đầu tư đã mua vào các vị thế ngắn hạn khi thị trường điều chỉnh về quanh ngưỡng 1.250 điểm (MA20) trong phiên 18/5 và đã chốt lời quanh ngưỡng 1.325 điểm trong hai phiên 28/5 và 31/5 tiếp tục đứng ngoài và quan sát thị trường.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/6/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất và thấp nhất trong phiên lần lượt tại 1.344,98 điểm và 1.330,82 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 3 điểm (+0,22%) lên 1.340,78 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 2.300 đồng, GAS tăng 3.700 đồng, ACB tăng 2.500 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC giảm 2.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giằng co giữa sắc xanh và sắc đỏ trong phiên hôm nay với mức cao nhất và thấp nhất trong phiên lần lượt tại 322,104 điểm và 314,056 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,58 điểm (+1,12%) lên 322,05 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: VND tăng 5.000 đồng, IDC tăng 1.900 đồng, PVS tăng 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, DTK giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.210,41 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 18,6 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 955,7 tỷ đồng tương ứng với 17,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 180,2 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 100,4 tỷ đồng tương ứng với 950,6 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 53,85 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,6 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 21,9 tỷ đồng tương ứng với 810 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PAN với 15,2 tỷ đồng tương ứng với 574 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,7 tỷ đồng tương ứng với 8,3 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng 6,7% năm nay

Kinh tế Việt Nam được ngân hàng Standard Chartered dự báo tăng trưởng 6,7% vào năm nay và 7,3% vào năm sau. Việc triển khai tiêm chủng mở rộng là điều kiện quan trọng để mở cửa trở lại du lịch và thúc đẩy quá trình phục hồi kinh tế bền vững.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ tư liên tiếp với mức tăng bị thu hẹp dần, khối lượng khớp lệnh trong phiên hôm nay gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy bên mua và bên bán đang giằng co quyết liệt ở vùng giá hiện tại.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là kịch bản sóng Elliott với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3).

Sóng tăng 5 với độ dài theo lý thuyết trong kịch bản tiêu chuẩn bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được trong phiên 12/4/2021.

Trong kịch bản tích cực hơn, sóng tăng 5 có thể nổi dài lên với target quanh ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và điều này cũng đã đạt được trong phiên 31/5. Theo đó, xét trên góc độ lý thuyết, hiện không có một ngưỡng hay vùng target nào cho sóng 5 nên khả năng giằng co và rung lắc trong vùng giá hiện tại được đánh giá cao hơn.

Theo đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 3/6, thị trường có thể sẽ tiếp tục giằng co và rung lắc trong vùng giá hiện tại khi áp lực bán dần gia tăng.

Ngưỡng hỗ trợ tâm lý gần nhất quanh 1.300 điểm và ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất quanh 1.290 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.250 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57 - 57,6 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng Sáng nay (2/6), tỷ giá trung tâm cặp đồng tiền VND/USD đảo chiều tăng 4 đồng so với mức công bố trước.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 6,25 USD/ounce tương ứng với 0,33% xuống 1.898,75 USD/ounce.

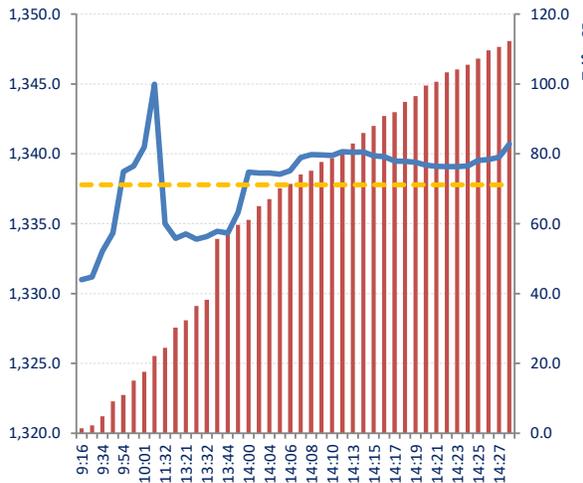
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,313 điểm tương ứng 0,35% lên 90,132 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2178 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,4144 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,82 JPY.

Giá dầu thế giới tăng Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,59 USD/thùng tương ứng với 0,87% lên 68,31 USD/thùng.

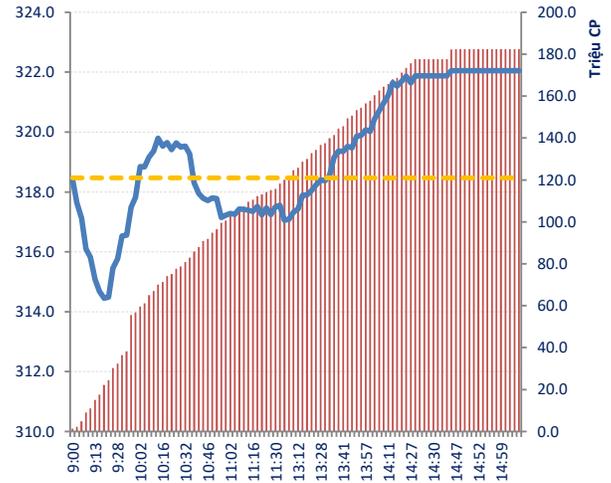
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/6, Dow Jones tăng 45,86 điểm tương đương 0,13% lên 34.575,31 điểm. Nasdaq giảm 12,26 điểm tương đương 0,09% xuống 13.736,48 điểm. Nasdaq Composite giảm 2,07 điểm tương đương 0,05% xuống 4.202,04 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

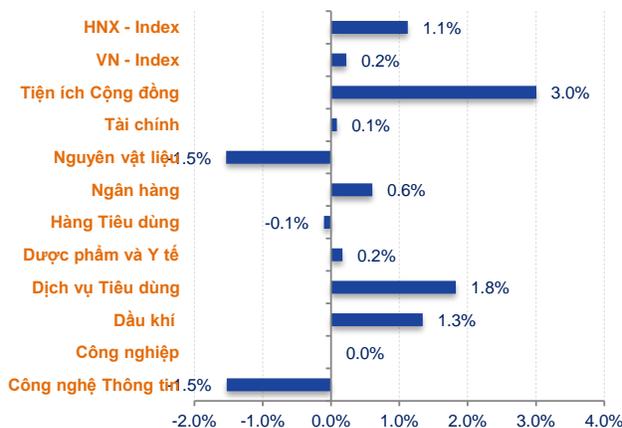
KLGD và VN-Index trong phiên



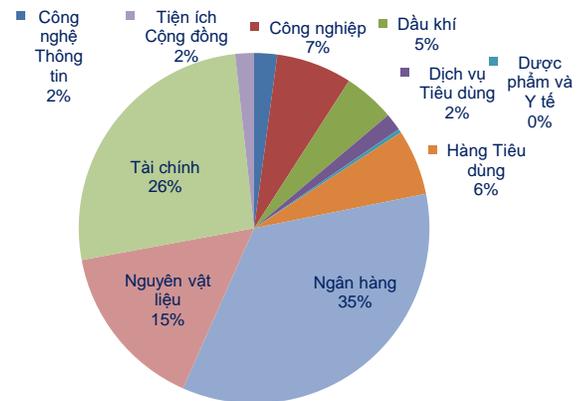
KLGD và HNX-Index trong phiên



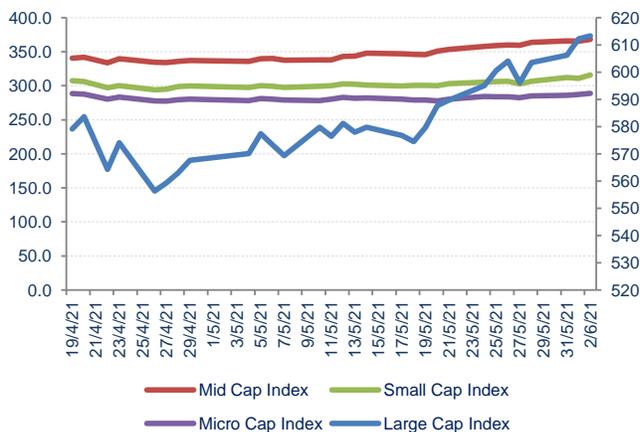
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



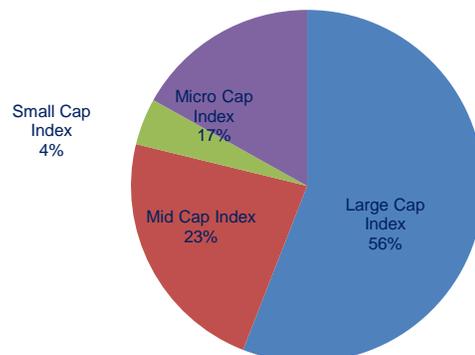
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OCB	1,366,100	HPG	17,516,300
2	BWE	1,289,600	STB	1,530,700
3	VCB	950,600	VIC	1,503,600
4	VIX	915,600	FUESSVFL	748,000
5	NKG	718,200	VNM	666,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLF	80,500	PVS	809,900
2	PVC	79,000	PAN	574,000
3	SHB	38,300	VCS	128,900
4	PVG	25,500	VND	112,300
5	NBC	14,500	TIG	82,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	12.20	13.05	↑ 6.97%	59,616,500
STB	32.40	32.20	↓ -0.62%	51,657,300
HPG	55.50	54.00	↓ -2.70%	40,052,100
LPB	29.60	31.65	↑ 6.93%	31,740,800
VPB	69.30	70.20	↑ 1.30%	29,533,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	31.00	31.10	↑ 0.32%	26,046,848
PVS	26.40	27.40	↑ 3.79%	21,481,661
SHS	37.50	39.30	↑ 4.80%	13,524,198
NVB	21.30	20.80	↓ -2.35%	10,306,573
KLF	5.00	5.40	↑ 8.00%	9,667,077

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ITA	7.00	7.49	0.49	↑ 7.00%
GIL	53.00	56.70	3.70	↑ 6.98%
SGR	25.80	27.60	1.80	↑ 6.98%
L10	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%
DTA	8.60	9.20	0.60	↑ 6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HOM	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
QHD	39.00	42.90	3.90	↑ 10.00%
MDC	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
QBS	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
GDW	21.10	23.20	2.10	↑ 9.95%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGM	30.00	27.90	-2.10	↓ -7.00%
TTE	9.80	9.12	-0.68	↓ -6.94%
APH	68.30	63.60	-4.70	↓ -6.88%
LGC	61.90	57.70	-4.20	↓ -6.79%
DAT	23.80	22.20	-1.60	↓ -6.72%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMP	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%
KTT	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
PIC	11.20	10.10	-1.10	↓ -9.82%
CAN	38.50	34.80	-3.70	↓ -9.61%
BBS	12.60	11.40	-1.20	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	59,616,500	11.2%	1,748	7.0	0.9
STB	51,657,300	3250.0%	1,495	21.7	2.0
HPG	40,052,100	31.1%	4,054	13.7	3.7
LPB	31,740,800	16.0%	2,097	14.1	2.1
VPB	29,533,000	21.9%	4,627	15.0	3.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	26,046,848	14.2%	1,785	17.4	2.3
PVS	21,481,661	5.2%	1,427	18.5	1.0
SHS	13,524,198	30.8%	4,721	7.9	2.1
NVB	10,306,573	0.3%	27	798.5	2.0
KLF	9,667,077	-0.6%	(60)	-	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	↑ 7.0%	1.9%	219	31.9	0.6
GIL	↑ 7.0%	28.3%	10,157	5.2	1.4
SGR	↑ 7.0%	8.9%	1,133	22.8	2.1
L10	↑ 7.0%	7.6%	1,901	9.0	0.7
DTA	↑ 7.0%	-2.1%	(211)	-	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HOM	↑ 10.0%	0.2%	24	210.8	0.4
QHD	↑ 10.0%	31.8%	5,682	6.9	2.2
MDC	↑ 10.0%	12.9%	1,446	4.8	0.6
QBS	↑ 10.0%	-8.0%	(758)	-	0.3
GDW	↑ 10.0%	12.9%	2,181	9.7	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	1,366,100	21.8%	3,437	8.4	1.7
BWE	1,289,600	19.4%	3,486	8.9	1.7
VCB	950,600	22.1%	5,708	18.2	3.8
VIX	915,600	38.9%	5,259	5.8	1.9
NKG	718,200	18.0%	3,284	10.2	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	80,500	-0.6%	(60)	-	0.5
PVC	79,000	0.6%	106	101.2	0.6
SHB	38,300	14.2%	1,785	17.4	2.3
PVG	25,500	3.6%	466	19.3	0.7
NBC	14,500	11.2%	1,261	5.8	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	405,892	5.2%	1,969	60.9	2.9
VCB	384,611	22.1%	5,708	18.2	3.8
VHM	342,109	31.2%	8,023	13.0	3.6
HPG	248,248	31.1%	4,054	13.7	3.7
CTG	195,851	20.8%	4,761	11.0	2.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	69,860	51.6%	10,779	18.5	12.3
SHB	59,692	14.2%	1,785	17.4	2.3
BAB	21,538	7.7%	897	33.9	2.5
VCS	15,200	39.6%	9,561	9.9	3.6
PVS	12,618	5.2%	1,427	18.5	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	2.10	0.4%	134	167.0	0.7
CTS	2.10	18.7%	2,444	8.3	1.5
AGR	1.92	5.9%	572	23.6	1.4
FIT	1.80	1.5%	245	60.3	0.9
SSI	1.71	16.5%	2,777	15.7	2.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	2.01	-2.0%	(113)	-	1.1
WSS	1.87	-0.5%	(45)	-	1.1
BVS	1.83	7.2%	1,839	16.1	1.1
LUT	1.71	0.1%	6	729.3	0.4
SHS	1.70	30.8%	4,721	7.9	2.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
